

27 Tháng Một 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,097.17	-3.43	1.18	10.66
HNX	220.79	-3.09	14.72	107.74
UPCOM	74.46	-2.56	2.09	32.45
MSCI EM	1,388.76	-1.52	10.79	25.91
NIKKEI	28,635.21	0.31	7.42	22.67
HANG SENG	29,297.53	-0.32	11.03	4.82
KOSPI	3,122.56	-0.57	11.25	39.02
FTSE	6,649.66	-0.07	2.27	-10.29
S&P 500	3,849.62	-0.15	3.96	18.68
NASDAQ	13,626.06	-0.07	6.41	49.09

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.83	2.34	13.21
SET INDEX	26.18	1.67	5.75
JCI INDEX	28.56	1.60	4.63
PCOMP INDEX	27.33	1.70	6.50

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.09	-1	16	-71
10 năm	2.20	-2	-15	-86

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,070	-0.04	0.25	0.44
US\$/KRW	1,104	0.19	-0.70	5.82
US\$/JPY	104	-0.13	0.06	4.96
US\$/EUR	0.82	0.10	0.55	-9.29
US\$/GBP	0.73	0.01	-2.02	-4.92
US\$/SGD	1.33	-0.08	0.31	2.41

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	629	637	260
HNX	91	86	31
UPCOM	34	38	16

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Thử thách cho mốc 1.100 điểm

Tiếp nối theo phiên giảm điểm mạnh ngày hôm qua, giao dịch trên thị trường ngày hôm nay tiếp tục diễn biến tiêu cực. Mở cửa với sắc đỏ, VN-Index chịu áp lực bán mạnh, kéo chỉ số giảm hơn 14 điểm. Trong phiên, có thời điểm VN-Index phục hồi gần sát mức tham chiếu nhưng, tuy nhiên không giữ được mốc này trước áp lực bán quá mạnh từ nhà đầu tư. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.097,1 điểm, giảm 38,9 điểm, tương ứng -3,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 16.779 tỷ đồng, HNX: 2.098 tỷ đồng, UPCOM: 896 tỷ đồng.

Do đây là phiên giảm điểm mạnh, hầu hết các mã đều có mức giá tiêu cực trong hôm nay. Tuy nhiên, vẫn có số ít cổ phiếu ngược dòng thị trường, tiêu biểu như VGC với mức tăng trần +6,9%, MWG (+1,1%), NVL và NLG có mức tăng nhẹ.

Lực mua và bán hôm nay của khối ngoại khá cân bằng, với giá trị mua ròng chỉ hơn 30 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm mạnh khiến các điểm số kỹ thuật của VN-Index suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện ở mức -7, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-7	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

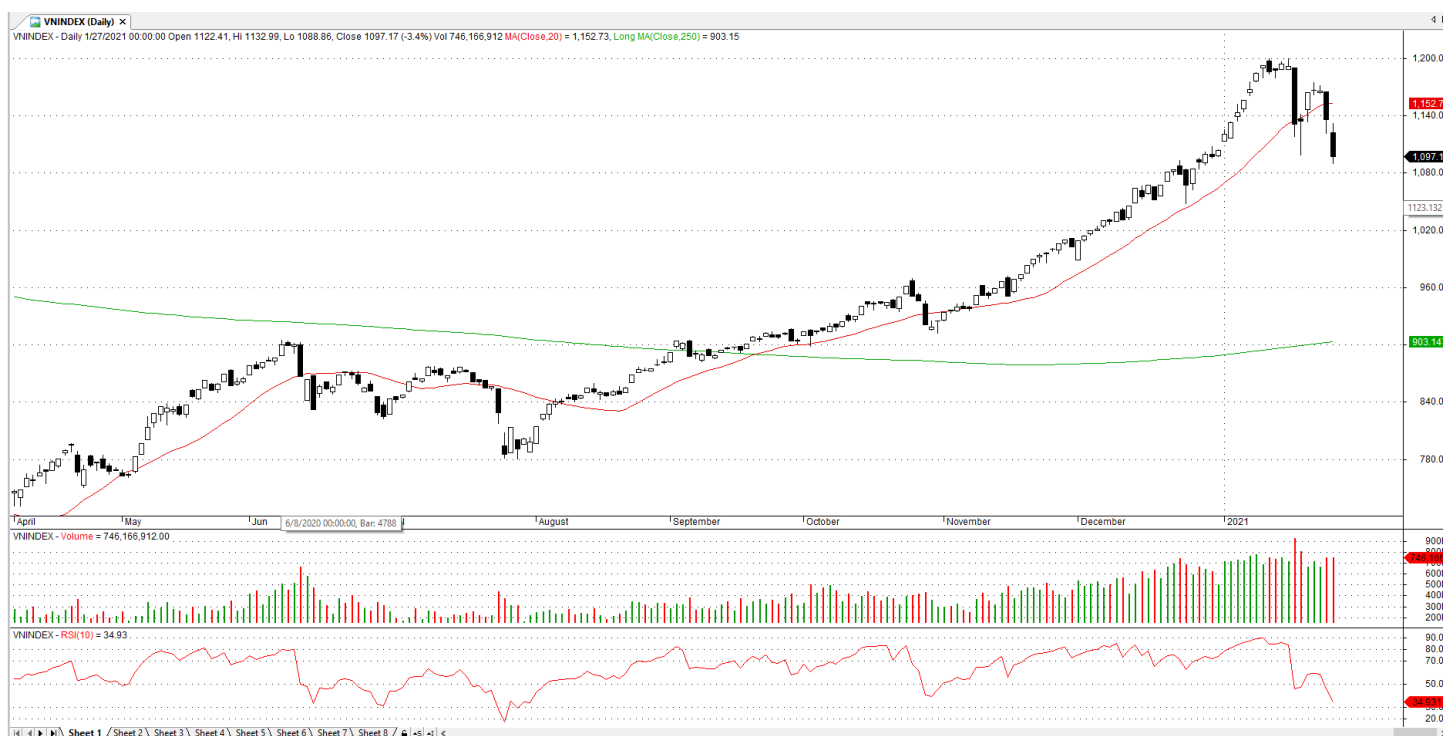
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (27/01/2021)	1.097,1	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.250
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2 1.050

VN-Index tiếp tục phiên giao dịch điều chỉnh mạnh thứ 2 liên tiếp trong tuần. Mốc 1.100 điểm đóng vai trò hỗ trợ và gặp nhiều thử thách trong các phiên giao dịch tiếp theo.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (27/01/2020)	1.082,2	Kháng cự 1	1.150
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.200
VN30 - đóng cửa	1.083,6	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-1,4	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-7	TIÊU CỰC

Thị trường cơ sở diễn biến tiêu cực, tâm lý bán mạnh của nhà đầu tư khiến VN30F1M có phiên giảm điểm sâu, với spread 56 điểm, và đóng cửa tại vùng giá gần thấp nhất trong ngày

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	13.9	3,668,450	-7	TIÊU CỰC	3,082	9.8	0.9
ACB	27.5	9,983,778	-7	TIÊU CỰC	59,443	7.7	1.7
AGR	10.5	3,084,086	-5	TIÊU CỰC	2,218	23.0	1.1
ASM	19.65	5,130,862	2	TRUNG TÍNH	5,087	8.9	1.2
BCG	13.15	1,838,226	-2	TRUNG TÍNH	2,683	38.5	1.4
BID	41.3	2,039,602	-7	TIÊU CỰC	166,109	19.4	2.1
BSR	10.2	9,714,155	-7	TIÊU CỰC	31,625	11.4	0.9
BVH	58	1,145,545	-7	TIÊU CỰC	43,055	33.5	2.1
BVS	17.6	1,399,910	-7	TIÊU CỰC	1,271	11.1	0.7
CEO	10	5,102,090	-7	TIÊU CỰC	2,573	54.2	0.9
CII	21.9	2,944,380	-6	TIÊU CỰC	5,231	191.9	1.0
CTD	75.8	1,407,215	-5	TIÊU CỰC	5,783	10.1	0.7
CTG	32.6	9,635,900	-7	TIÊU CỰC	121,383	11.1	1.5
CTR	77.8	577,855	-5	TIÊU CỰC	5,585	30.3	6.2
DBC	50	3,394,318	-7	TIÊU CỰC	5,238	3.6	1.2
DCM	13.2	4,123,851	-7	TIÊU CỰC	6,988	15.4	1.1
DGC	52.3	785,721	-2	TRUNG TÍNH	7,780	9.1	2.0
DIG	28.85	4,678,948	-5	TIÊU CỰC	9,086	21.0	2.2
DPM	16.6	2,976,790	-7	TIÊU CỰC	6,496	8.3	0.8
DRC	27.6	1,731,978	4	KHẢ QUAN	3,279	12.8	1.9
DXG	21	11,046,328	2	TRUNG TÍNH	10,884	#N/A N/A	1.8
FIT	16.35	7,573,149	-3	TRUNG TÍNH	4,165	45.3	1.4
FLC	7.02	25,386,076	7	KHẢ QUAN	5,076	#N/A N/A	0.6
FPT	63	2,272,328	-2	TRUNG TÍNH	49,386	15.3	3.1
FRT	28.4	2,105,654	-7	TIÊU CỰC	2,243	#N/A N/A	1.8
GAS	79	1,090,100	-7	TIÊU CỰC	151,202	16.6	3.2
GEX	20.95	8,419,879	-7	TIÊU CỰC	10,097	14.5	1.5
GMD	30.95	4,072,015	-7	TIÊU CỰC	9,328	26.3	1.6
GTN	23.4	2,918,700	-7	TIÊU CỰC	5,827	#N/A N/A	2.3
GVR	28.1	6,325,728	-3	TRUNG TÍNH	112,400	37.1	2.5
HAG	5.15	17,511,162	-7	TIÊU CỰC	4,776	#N/A N/A	0.4
HBC	18.9	8,546,923	6	KHẢ QUAN	4,364	17.6	1.2
HCM	27.75	5,880,115	-7	TIÊU CỰC	8,465	16.0	1.9
HDB	23.3	5,551,876	-7	TIÊU CỰC	37,135	8.6	1.7
HDC	38.2	1,179,335	-2	TRUNG TÍNH	2,516	13.2	2.5
HDG	39.45	1,936,609	-3	TRUNG TÍNH	6,086	6.1	2.0
HHS	5.97	6,434,516	-5	TIÊU CỰC	1,640	4.7	0.5
HNG	12	10,215,678	-7	TIÊU CỰC	13,303	#N/A N/A	1.6
HPG	40.3	20,923,122	-7	TIÊU CỰC	133,525	12.4	2.4
HQC	2.43	23,887,558	-5	TIÊU CỰC	1,158	62.5	0.3
HSG	23.45	8,222,575	-5	TIÊU CỰC	10,419	9.4	1.6
HUT	4.6	12,076,210	-2	TRUNG TÍNH	1,236	#N/A N/A	0.4
HVN	27.25	1,480,743	-7	TIÊU CỰC	38,648	#N/A N/A	5.7
IDC	35.5	4,588,720	-7	TIÊU CỰC	10,650	46.0	3.0
IJC	24.75	1,684,713	-4	TIÊU CỰC	5,373	14.8	1.8
ITA	6.95	20,098,658	-7	TIÊU CỰC	6,521	33.7	0.6
KBC	39.6	10,036,310	-2	TRUNG TÍNH	18,603	45.1	2.0
KDH	34.25	1,473,125	0	TRUNG TÍNH	19,139	16.6	2.5
KSB	28	1,552,536	-7	TIÊU CỰC	1,866	6.6	1.2
LCG	13.7	5,403,416	-7	TIÊU CỰC	1,579	5.1	1.0
LDG	7.99	10,430,084	-2	TRUNG TÍNH	1,913	159.8	0.6
LPB	13.5	13,635,235	-5	TIÊU CỰC	14,508	7.8	1.0

MBB	24	20,429,812	-7	TIÊU CỰC	67,170	8.1	1.4
MBS	18.2	2,411,350	-5	TIÊU CỰC	2,991	11.1	1.5
MSN	91.7	2,440,084	-2	TRUNG TÍNH	107,718	44.4	5.2
MSR	20.5	1,864,660	-7	TIÊU CỰC	22,533	57.6	1.6
MWG	133.5	1,282,979	7	KHẢ QUAN	62,308	15.7	4.0
NKG	16.15	4,929,583	0	TRUNG TÍNH	2,778	9.5	0.9
NLG	34	1,726,862	0	TRUNG TÍNH	9,359	11.4	1.6
NVB	13.9	5,538,840	-2	TRUNG TÍNH	5,655	4,665.5	1.3
NVL	81.2	4,921,111	5	KHẢ QUAN	86,393	14.1	3.2
PAN	27.45	1,664,767	-7	TIÊU CỰC	5,734	31.9	1.6
PDR	54	3,575,927	0	TRUNG TÍNH	21,393	17.8	4.2
PET	15.3	2,966,819	-7	TIÊU CỰC	1,279	9.7	0.8
PHR	62.7	1,107,161	-7	TIÊU CỰC	8,496	8.1	2.7
PLX	50.7	975,831	-7	TIÊU CỰC	61,794	74.4	3.0
PNJ	83.5	694,764	0	TRUNG TÍNH	18,991	17.7	3.6
POW	12.8	12,981,202	-7	TIÊU CỰC	29,976	18.8	1.1
PVD	18.25	12,099,569	-5	TIÊU CỰC	7,686	31.4	0.6
PVS	17	11,489,920	-7	TIÊU CỰC	8,125	10.5	0.6
PVT	16.6	6,647,756	0	TRUNG TÍNH	5,373	9.7	1.1
ROS	5.17	27,596,616	5	KHẢ QUAN	2,934	#N/A N/A	0.5
SBT	19.75	5,103,943	-7	TIÊU CỰC	12,189	28.1	1.6
SCR	8.6	6,258,555	-2	TRUNG TÍNH	3,151	51.9	0.7
SHB	15.6	31,053,364	-7	TIÊU CỰC	27,383	9.4	1.1
SHS	22.6	6,003,025	-7	TIÊU CỰC	4,684	6.2	1.5
SSI	29.8	12,884,832	-7	TIÊU CỰC	17,851	16.3	1.9
STB	17.25	34,469,700	-7	TIÊU CỰC	31,113	11.6	1.1
SZC	42.25	1,389,654	5	KHẢ QUAN	4,225	22.7	3.3
TCB	33.5	16,586,762	-5	TIÊU CỰC	117,414	9.5	1.7
TCH	23	9,671,420	-5	TIÊU CỰC	8,125	8.0	1.6
TCM	84.5	473,856	4	KHẢ QUAN	5,267	22.5	3.2
TDC	16	1,567,387	-7	TIÊU CỰC	1,600	9.6	1.3
TDH	8.21	5,031,192	-7	TIÊU CỰC	925	12.4	0.5
TNG	22.5	3,621,580	0	TRUNG TÍNH	1,665	10.7	1.4
TPB	25.1	3,466,386	-7	TIÊU CỰC	25,895	7.2	1.5
TTF	5.19	7,162,600	-7	TIÊU CỰC	1,615	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	97.4	1,049,133	-7	TIÊU CỰC	361,245	19.6	3.7
VCG	47.85	871,943	2	TRUNG TÍNH	21,136	13.1	2.7
VCI	52.7	1,555,565	-7	TIÊU CỰC	8,727	11.3	1.9
VHC	40.7	1,774,882	-5	TIÊU CỰC	7,405	10.5	1.4
VHM	93.9	2,751,275	-5	TIÊU CỰC	308,885	13.6	4.1
VIC	100	1,218,435	-7	TIÊU CỰC	338,243	37.6	3.9
VIX	23.05	3,783,700	-5	TIÊU CỰC	2,944	14.0	1.8
VJC	130.8	698,560	-2	TRUNG TÍNH	68,518	#N/A N/A	4.9
VND	25.3	5,336,577	-7	TIÊU CỰC	5,067	8.6	1.4
VNM	103.3	2,798,061	-7	TIÊU CỰC	215,860	21.6	7.4
VPB	31.85	5,897,334	-5	TIÊU CỰC	78,184	7.5	1.5
VPI	35.95	1,888,471	2	TRUNG TÍNH	7,190	13.0	2.8
VRE	34.45	7,355,976	-5	TIÊU CỰC	78,281	34.4	2.8

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay lên 5,5%, cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với con số đưa ra hồi tháng 10. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới công bố ngày 26/1, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay là 5,5%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với con số đưa ra hồi tháng 10. “Mọi thứ còn phụ thuộc vào cuộc đua giữa virus biến chủng và vaccine Covid-19 để chấm dứt đại dịch, và tính hiệu quả từ các chính sách được triển khai cho đến khi điều đó xảy ra”, kinh tế gia trưởng của IMF Gita Gopinath cho biết.

Intel rót thêm gần nửa tỷ USD vào Việt Nam

Intel đã bơm 475 triệu USD vào công ty tại Việt Nam – cơ sở lắp ráp và kiểm tra chip lớn nhất của Intel trên toàn cầu – ngay cả khi gã khổng lồ sản xuất chip của Mỹ đang tìm cách thuê ngoài sản xuất nhiều hơn và đối mặt với rủi ro bị vượt mặt bởi công nghệ tiên tiến hơn từ các đối thủ. Với lượng vốn đầu tư trên (tăng gần 50% so với khoản đầu tư năm 2020), Công ty TNHH Intel Products Việt Nam (IPV) sẽ sử dụng để sản xuất các sản phẩm 5G và vi xử lý lõi, Intel cho biết. Việc mở rộng được triển khai nhằm giúp Intel “áp dụng các công nghệ phức tạp hơn và đa dạng hóa sản phẩm”, Intel cho biết. Ở một diễn biến khác, gã khổng lồ thiết bị bán dẫn này cho biết có khả năng họ phải nhờ bên thứ 3 sản xuất thêm sản phẩm trong vài năm tới. Nikkei Asia đưa tin rằng các đối tác này bao gồm Taiwan Semiconductor Manufacturing Co. (TSMC) – vốn đã phát triển được chip 5 nm, loại chip tiên tiến nhất cho tới nay. TSMC đã đàm phán với Intel về vấn đề gia công thuê ngoài trong ít nhất 5 dự án, Nikkei cho biết.

Apple đẩy mạnh sản xuất iPhone và iPad tại Việt Nam và Ấn Độ

Apple đang đẩy mạnh sản xuất iPhone, iPad, Mac và các sản phẩm khác bên ngoài Trung Quốc, theo nguồn tin từ Nikkei Asia. Đây là một dấu hiệu cho thấy “táo khuyết” đang tiếp tục đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa sản xuất bất chấp hy vọng căng thẳng Mỹ-Trung sẽ xoa dịu dưới thời Tổng thống Joe Biden. Theo nguồn tin trên, Việt Nam sẽ bắt đầu sản xuất iPad vào giữa năm 2021. Điều này đánh dấu lần đầu tiên Apple sẽ lắp ráp lượng lớn máy tính bảng bên ngoài Trung Quốc. Gã khổng lồ “táo khuyết” cũng từng bước đẩy mạnh sản xuất iPhone ở Ấn Độ - cơ sở sản xuất lớn iPhone thứ hai của Apple. Ông lớn này sẽ sản xuất iPhone 12 tại Ấn Độ ngay từ quý này. Đồng thời, Apple cũng đang tăng công suất cho các dòng loa thông minh, tai nghe và máy tính tại Đông Nam Á như một phần của nỗ lực đa dạng hóa sản xuất, theo nguồn tin từ Nikkei. Tại Việt Nam, Apple đang vận động các nhà cung cấp mở rộng quy mô sản xuất loa thông minh HomePod mini. Thiết bị này được sản xuất tại Việt Nam từ khi ra mắt cuối năm 2020. Hiện tại, “táo khuyết” cũng tăng công suất tại Việt Nam với các sản phẩm âm thanh, bao gồm cả các dòng tai nghe AirPods. Apple đã chuyển một số hoạt động sản xuất Mac mini sang Malaysia và chuẩn bị chuyển một phần dây chuyền MacBook sang Việt Nam trong năm nay, một nguồn tin khác nói với Nikkei. Phần lớn máy tính của Apple vẫn đang được sản xuất tại Trung Quốc.

PVP: Giá cước tăng, PVP báo lãi kỷ lục 225 tỷ đồng

Vận tải dầu khí Thái Bình Dương (UPCoM: PVP) công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần tăng 63% lên 600 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng 44% đạt gần 68 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 108 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh nghiệp lý giải kết quả khả quan trên là nhờ đội tàu tiếp tục khai thác trên thị trường quốc tế với giá cước tốt và thuận lợi nên dẫn đến doanh thu và lợi nhuận đều tăng. Tính chung cả năm, doanh thu thuần PVP tăng nhẹ lên 1.610 tỷ đồng. Nhờ biên lợi nhuận tốt giúp lợi nhuận sau thuế cao gấp rưỡi cùng kỳ đạt hơn 225 tỷ đồng, cũng là mức lãi kỷ lục của doanh nghiệp. Thu nhập trên mỗi cổ phần đạt gần 2.389 đồng. Năm 2020, doanh nghiệp đề ra mục tiêu doanh thu 1.650 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 168 tỷ đồng. Với kết quả trên, PVP đã hoàn thành vượt 34% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm.

LIG: muốn chuyển nhượng nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị

Công ty Licogi 13 (HNX: LIG) vừa thông báo chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021. Ngày đăng ký cuối cùng vào 3/2 và thời gian họp dự kiến ngày 27/2, tại Hà Nội. Nội dung cuộc họp là lấy ý kiến chuyển giao Nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị sang Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Quảng Trị. Song song đó, HĐQT cũng muốn thông qua việc chuyển nhượng vốn góp của Licogi 13 tại Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Quảng Trị. Thay đổi và bổ sung vào ngành nghề kinh doanh của công ty. Licogi 13 đang là chủ đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời LIG Quảng Trị và đang có chủ trương chuyển giao nhà máy về công ty TNHH MTV Điện mặt trời Quảng Trị (vốn điều lệ 231,5 tỷ đồng). Dự án Nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị được xây dựng tại xã Gio Thành, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị với tổng mức đầu tư 1.125 tỷ đồng. Nhà máy xây dựng trên diện tích gần 60ha,

công suất định mức là 49,5 MWp và phát điện thương mại từ giữa năm 2019. Đây là dự án điện mặt trời đầu tiên được hoàn thành tại tỉnh Quảng trị và góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nghề hướng đến mảng đầu tư về lĩnh vực năng lượng tái tạo của Licogi 13.

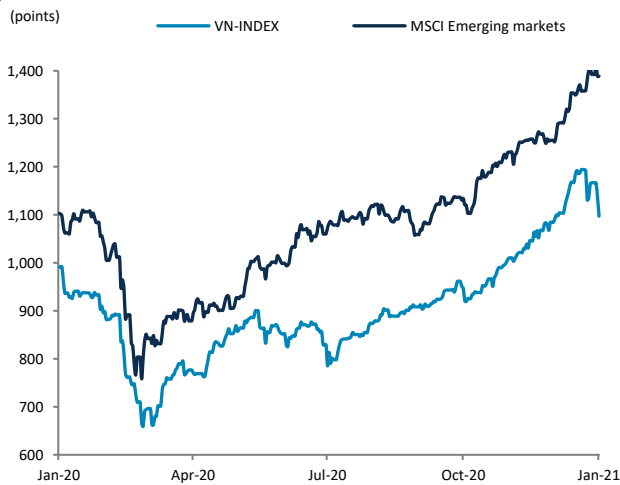
NLG: báo lãi 2020 gần 835 tỷ, vượt kế hoạch đề ra

Theo BCTC hợp nhất quý 4/2020 vừa công bố, Nam Long ghi nhận doanh thu thuần 919 tỷ đồng, giảm 25% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do các dự án Flora Novia và nhà phố, biệt thự Valora Island đã được hoàn tất và bàn giao cho khách hàng trong năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, các dự án khác hiện đang trong quá trình xây dựng. Doanh thu trong quý 4 được đóng góp từ bàn giao căn hộ, biệt thự, sản phẩm đất nền là 227 tỷ đồng (chiếm 25%) và doanh thu dịch vụ tổng thầu, xây dựng là 918 tỷ đồng (chiếm 65%). Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính tăng vọt lên 649 tỷ đồng, gấp 30 lần cùng kỳ. Chi phí tài chính cũng tăng mạnh lên 81 tỷ đồng trong khi cùng kỳ chỉ ở mức 1.6 tỷ đồng. Kết quả, NLG báo lãi ròng tăng 14% so với cùng kỳ, đạt 627 tỷ đồng.

FIT: Công ty riêng của lãnh đạo đăng ký mua 20 triệu cp

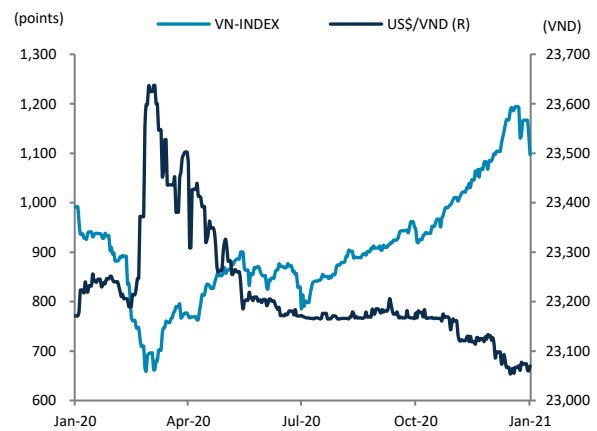
Ngày 26/01 vừa qua, CTCP Đầu tư KD đã đăng ký mua 20 triệu cp của CTCP Tập đoàn F.I.T (HOSE: FIT). Các giao dịch dự kiến được khớp lệnh ngay trên sàn từ ngày 01/02-01/03 sắp tới. Nếu thương vụ thành công trọn vẹn, Đầu tư KD sẽ nâng tỷ lệ sở hữu tại FIT từ 5.89% lên mức 13.74%, tương ứng 35 triệu cp. Về mối liên hệ giữa hai doanh nghiệp, Thành viên HĐQT FIT - ông Kiều Hữu Dũng hiện cũng là Chủ tịch HĐQT của Đầu tư KD. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu FIT biến động đáng chú ý trong thời gian gần đây. Sau khi tăng vọt từ vùng giá 8,000 đồng/cp lên đến đỉnh giá 21,750 đồng/cp với thanh khoản đột biến trong giai đoạn tháng 12/2020-01/2021, cổ phiếu này đã giảm kịch sàn ba phiên liên tiếp xuống mức giá 17,550 đồng/cp.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



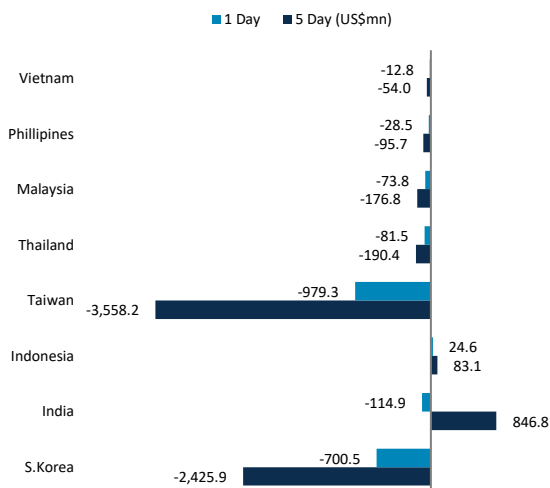
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



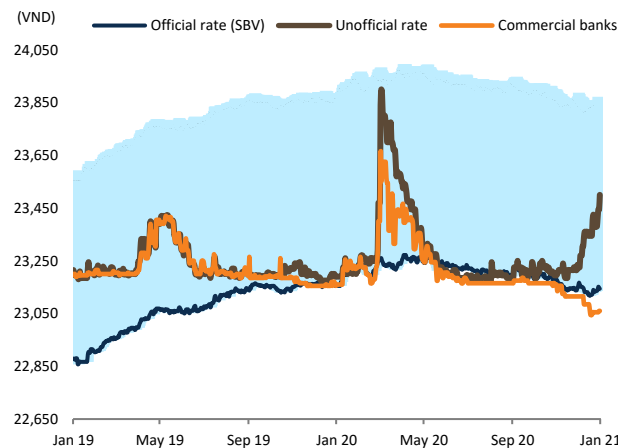
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



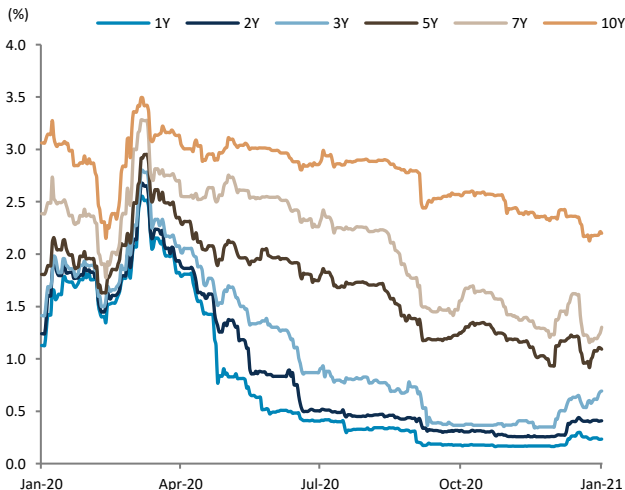
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



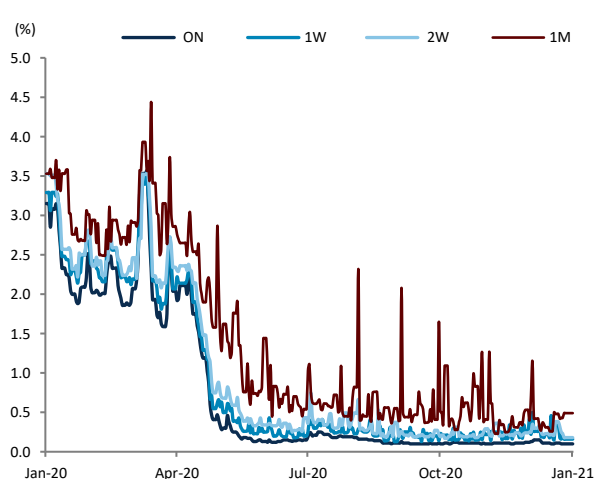
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,083.63	3,015,142		-3.7	-2.9	3.0	19.2	14.8	12.7	2.4	2.0	16.6	16.3	17.2	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,300	166,109	17.4	-2.9	-9.2	-11.4	-25.6	29.7	18.7	2.1	1.9	59.0	9.3	12.2	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,600	121,383	28.7	-5.5	-8.6	-6.1	27.3	12.9	9.7	1.5	1.3	33.1	12.6	14.8	
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	17,700	21,761	30.0	-5.9	-12.4	-7.3	1.4	25.5	29.1	1.3	1.3	-12.3	5.3	4.4	
CTCP FPT	FPT VN	63,000	49,386	49.0	-4.5	-0.5	9.4	28.2	12.4	10.5	2.7	2.5	17.9	25.4	27.2	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	79,000	151,202	3.0	-5.2	-8.7	-6.2	-16.8	18.6	15.4	3.1	3.1	20.2	17.0	23.1	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	23,300	37,135	17.4	-4.9	-8.6	-2.9	32.6	8.2	6.9	1.5	1.2	18.2	19.2	19.0	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	40,300	133,525	31.7	-4.7	-3.4	-1.1	83.9	11.6	9.2	2.5	2.0	26.1	21.1	22.1	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	34,250	19,139	38.0	-1.6	4.4	20.4	38.9	17.6	15.3	2.4	2.2	15.1	14.0	15.1	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	24,000	67,170	23.0	-6.3	-1.6	4.9	24.4	7.3	6.0	1.2	1.0	21.3	18.1	18.6	
Tập đoàn Masan	MSN VN	91,700	107,718	32.0	-4.0	0.9	11.2	71.7	99.2	40.7	3.4	3.2	143.6	3.5	9.7	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	133,500	62,308	49.0	1.1	8.7	12.7	12.0	15.4	11.9	3.9	3.1	30.1	28.1	28.3	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	81,200	86,393	6.6	0.2	12.8	23.5	46.6	21.0	20.1	3.0	2.7	4.6	16.1	13.5	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,700	61,794	15.7	-3.6	-4.9	-4.5	-11.5	58.8	18.8	2.7	2.4	213.7	4.9	15.3	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,500	18,991	49.0	-1.8	3.7	7.5	-8.5	15.6	12.4	3.3	2.6	25.9	22.9	23.3	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,800	29,976	8.4	-5.2	-8.6	4.1	15.3	15.6	13.6	1.2	1.0	14.9	6.9	7.5	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,900	16,040	49.0	-2.8	-2.1	8.1	40.3	10.9	9.5	1.4	1.3	14.5	13.4	14.0	
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	5,170	2,934	3.2	5.9	38.2	110.2	-49.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	186,800	119,791	63.1	-1.7	-4.1	-5.7	-19.7	28.2	23.0	5.8	5.2	22.7	22.4	24.9	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,750	12,189	7.8	-6.8	-15.6	-5.5	6.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	29,800	17,851	45.0	-6.9	-10.5	-1.7	79.1	15.5	15.3	NA	NA	1.0	10.3	11.6	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	17,250	31,113	9.6	-4.7	-9.2	1.8	58.3	13.9	10.5	1.0	0.9	32.9	8.4	9.9	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	33,500	117,414	22.5	-4.3	-2.9	13.4	38.4	10.5	9.1	1.6	1.4	15.6	16.8	16.4	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	23,000	8,125	5.8	-5.3	-3.0	15.0	-43.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,400	361,245	23.7	-3.5	-1.7	-0.2	4.3	18.3	14.5	3.1	2.7	26.9	19.3	20.7	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	93,900	308,885	22.2	-4.2	-3.7	7.2	5.0	11.6	9.8	3.6	2.7	18.4	36.8	30.8	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	100,000	338,243	14.0	-1.5	-3.2	-5.6	-13.0	53.6	41.0	3.5	3.2	30.6	7.3	8.5	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,800	68,518	18.9	-0.2	0.6	3.9	-10.7	NA	31.4	4.7	4.2	514.0	-4.3	14.1	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	103,300	215,860	57.8	-3.2	-5.2	-5.2	2.2	21.1	19.0	7.3	6.7	11.1	38.9	39.1	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	31,850	78,184	23.4	-5.9	-6.9	-2.0	35.0	7.3	6.5	1.3	1.0	11.4	18.5	17.2	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,450	78,281	31.5	-6.9	-6.4	13.1	5.7	34.8	25.0	2.7	2.5	39.3	8.1	10.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	-38.95	4,219,323	-3.4	-3.3	1.2	10.7	17.8	14.5	2.3	2.2	22.8	13.2	16.6	
Ô tô và phụ tùng	-0.09	7,986	-4.1	1.0	13.9	23.3	6.0	5.3	1.1	1.0	26.5	11.3	12.0	
Ngân hàng	-12.82	1,157,164	-3.9	-8.0	-1.2	11.9	15.5	11.8	2.0	1.7	21.0	16.3	17.3	
Xây dựng cơ bản	-1.06	166,199	-2.0	-2.8	10.1	48.4	9.2	6.1	1.6	0.5	-3.4	6.7	6.4	
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,634	-0.8	-3.5	1.6	6.6	11.1	6.4	NA	NA	-4.1	7.6	12.5	
May mặc và trang sức	-0.24	35,624	-2.4	0.1	17.4	60.6	12.9	11.3	2.3	1.8	2.4	16.3	17.1	
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	8,081	-0.4	-1.9	6.8	-12.6	NA	11.2	NA	NA	-26.9	NA	5.3	
Dịch vụ tài chính	-1.15	60,800	-6.5	-12.6	-0.2	67.2	8.4	4.5	NA	NA	NA	7.9	4.4	
Năng lượng	-0.87	77,914	-4.0	-7.8	0.9	-4.7	53.4	21.1	2.3	2.1	7.6	4.8	13.0	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-4.81	550,151	-3.1	-4.6	-1.6	16.4	35.5	21.9	4.9	4.4	1.8	21.2	22.9	
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	865	-4.4	-10.4	-17.1	33.1	NA	NA	NA	NA	-47.9	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.02	9,452	-0.7	-4.1	5.9	2.7	6.9	6.7	NA	NA	50.6	10.6	15.7	
Bảo hiểm	-0.53	49,804	-3.8	-9.5	-6.0	-12.1	30.1	24.3	1.9	1.8	4.8	6.3	7.6	
Nguyên vật liệu	-4.91	341,157	-5.0	-8.7	-1.4	52.1	16.4	14.0	1.1	0.9	57.8	13.5	13.8	
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,361	-5.8	4.1	-8.2	17.3	18.3	13.3	1.2	1.1	NA	6.7	8.5	
Dược phẩm	-0.06	33,766	-0.6	-2.6	-2.2	18.2	NA	NA	NA	NA	35.9	NA	NA	
Bất động sản	-7.58	1,024,013	-2.7	-3.5	8.9	13.4	8.6	8.2	1.5	1.4	29.0	9.5	9.3	
Bán lẻ	0.12	70,355	0.7	3.9	11.1	17.2	52.0	44.2	2.8	2.4	24.8	17.1	15.7	
Phần mềm và dịch vụ	-0.68	53,255	-4.6	-6.1	8.6	26.6	16.0	11.2	3.6	2.8	12.1	25.1	25.5	
Thiết bị và phần cứng	-0.04	3,010	-5.1	-10.7	-9.0	171.3	11.5	9.7	2.5	2.3	48.6	23.6	25.2	
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,269	6.9	22.1	159.8	243.0	9.7	8.1	2.2	1.8	-90.7	22.1	23.0	
Vận tải	-0.93	165,882	-2.0	-4.1	1.1	3.9	NA	NA	NA	NA	-7.6	NA	NA	
Tiện ích	-3.07	237,674	-4.6	-7.6	-3.5	-7.4	47.3	58.0	9.2	8.6	0.6	-17.1	-3.3	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index**Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VGC VN	33,150	6.94	1,883,800	0.26
MWG VN	133,500	1.14	2,106,900	0.19
VIB VN	33,450	1.06	842,600	0.10
FLC VN	7,150	6.72	45,589,500	0.09
SZC VN	42,250	6.96	4,175,400	0.07
PME VN	75,600	4.56	1,100	0.07
SJS VN	32,400	6.93	758,400	0.06
NVL VN	81,200	0.25	4,348,500	0.06
ROS VN	5,170	5.94	39,928,900	0.04
DPR VN	49,950	6.96	181,000	0.04

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	93,900	-4.18	3,312,000	-3.63
VCB VN	97,400	-3.47	1,566,800	-3.49
GVR VN	28,100	-6.95	5,670,400	-2.26
GAS VN	79,000	-5.16	940,900	-2.21
VNM VN	103,300	-3.19	3,153,800	-1.91
CTG VN	32,600	-5.51	9,544,300	-1.90
HPG VN	40,300	-4.73	28,056,100	-1.78
VRE VN	34,450	-6.89	6,401,900	-1.56
TCB VN	33,500	-4.29	18,775,400	-1.41
VIC VN	100,000	-1.48	1,488,900	-1.36

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.